

TAND HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 110/2024/HNGĐ-ST

Ngày 05/9/2024

Về việc: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY - TỈNH THANH HÓA

Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Ngọc Hoàng và bà Trịnh Thị Khanh

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - Thư ký TAND huyện Cẩm Thủy

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2024, Tại Hội trường xét xử TAND huyện Cẩm Thủy, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân thụ lý số 62/2024/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn và nuôi con chung”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 07 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/HNGĐ ngày 08/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy.

Giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Chị **Vi Thanh H** - Sinh năm 2003

HKTT: **Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**

Vắng mặt tại phiên tòa - Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Quốc C** - Sinh năm 2000

HKTT: **Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 (Đã được tổng đạt hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Vi Thanh H** trình bày: Chị và anh **Nguyễn Quốc C** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu trước và tổ chức cưới theo phong tục địa phương vào tháng 12/2020. Nhưng đến ngày 16/9/2021 vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại **UBND xã C, huyện C**. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất

đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thiếu sự tin tưởng lẫn nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2023, vì vậy chị làm đơn xin được ly hôn với anh **Nguyễn Quốc C**.

Về con chung: Chị và anh **Nguyễn Quốc C** có 01 chung là **Nguyễn Ngọc Quỳnh C1** - Sinh ngày 01/06/2021.

Chị **H** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Ngọc Q** Chi đến tuổi thành niên, không yêu cầu anh **C** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn: Tại thời điểm chị **Vi Thanh H** làm đơn xin ly hôn thì anh **Nguyễn Quốc C** không có mặt ở nhà, do đang đi làm ăn xa. Anh **C** không về nhà nhưng thường xuyên gọi điện về cho bố mẹ. Anh **C** liên lạc với gia đình, nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể của mình. Do vậy Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương, đồng thời làm việc với bà **Lê Thị T** và ông **Nguyễn Văn H1** (Bố, mẹ đẻ của anh **C**) và giao các văn bản tố tụng. Ông **H1** bà **T** đã nhận các văn bản tố tụng và cam kết thông báo cụ thể cho anh **C**. Bà **T**, ông **H1** nói lại ý kiến của anh **H1** (Có xác nhận trong biên bản làm việc với Tòa án) là: Anh **C** không về được vì lý do công việc, anh nhất trí ly hôn với chị **H**, anh **C** xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu **Nguyễn Ngọc Quỳnh C1** - Sinh ngày 01/06/2021. Chị **H** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Ngọc Quỳnh C1**, không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung anh hoàn toàn nhất trí; Anh **C** không yêu cầu giải quyết về phần tài sản.

Các văn bản tố tụng Tòa án đã giao cho bà **T**, ông **H1** gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Bà **T**, ông **H1** cam kết sẽ thông tin cho anh **C** biết về các văn bản tố tụng nêu trên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS; Các điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/201/UBTVQH 14 quy định về án phí lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị: Xử cho chị **Vi Thanh H** được ly hôn anh **Nguyễn Quốc C**; Giao cháu **Nguyễn Ngọc Quỳnh C1** - Sinh ngày 01/06/2021 cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị **H** không yêu cầu anh **C** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị **H** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào các quy định của pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị **Vi Thanh H** làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn là **Nguyễn Quốc C** có hộ khẩu thường trú tại: **Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 BLTTDS.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về “Ly hôn và nuôi con chung” được quy định tại khoản 1 điều 28 BLTTDS.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho ông **H1**, bà **T** (Bố, mẹ đẻ anh **C**), đồng thời bà **T** ông **H1** cam kết thông báo cho anh **C** biết.

Như vậy Tòa án đã tiến hành xác minh và giao các văn bản tố tụng hợp lệ, đủ cơ sở khẳng định anh **C** cố tình trốn tránh, che giấu địa chỉ, không đến Tòa để giải quyết vụ án.

Chị **Vi Thanh H** có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh **C**, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt chị **H**, anh **C** là phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS.

[4] Về Hôn nhân: Chị **H** và anh **C** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại **UBND xã C, huyện C** vào ngày 16/9/2021 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống chị **H** và anh **C** phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn trầm trọng và vợ chồng đã phải sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay.

Vì vậy cần áp dụng khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị **Vi Thanh H** được ly hôn anh **Nguyễn Quốc C** là phù hợp.

[5] Về con chung: Chị **Vi Thanh H** và anh **Nguyễn Quốc C** có 01 con chung là **Nguyễn Ngọc Quỳnh C1** - Sinh ngày 01/06/2021.

Chị H2 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Ngọc Quỳnh C1** đến tuổi thành niên. Chị **H2** không yêu cầu anh **C** cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị H2 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS; Các điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/201/UBTVQH 14 quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thanh H.

Xử cho chị Vi Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Quốc C.

Giao cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh C1 - Sinh ngày 01/06/2021 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh C tự nguyện thực hiện.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu số 0000993 ngày 20 tháng 05 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cẩm Thủy.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDH. Cẩm Thủy;
- UBND xã thực hiện đăng ký;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Sơn